

Số: 31 /2018/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh,
thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đề điều;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 92/TTr-SNN&PTNT ngày 11/6/2018 về việc ban hành Quyết định quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh Thanh Hóa, phục vụ công tác quản lý, vận hành và an toàn công trình; cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định phạm vi vùng phụ cận đối với các công trình thủy lợi (sau đây gọi tắt là CTTL) trên địa bàn tỉnh chưa được quy định trong Luật Thủy lợi, gồm: Đập dâng nước trên các sông, suối để phục vụ tưới; trạm bơm;

kênh tưới, tiêu có lưu lượng nhỏ hơn 2 m³/s; đường ống dẫn nước và cầu máng, xi phông.

2. Đối tượng áp dụng:

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến CTTL trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

3. Quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận:

a) Đập dâng nước:

Tùy theo cấp đập được xác định theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 04 - 05 : 2012/BNNPTNT, phạm vi vùng phụ cận được xác định như sau:

Phần dưới nước, phạm vi vùng phụ cận được tính từ mép ngoài phần xây dựng phía thượng, hạ lưu của đập trở ra tối thiểu: 20 m đối với đập cấp IV, 50 m đối với đập cấp III, 100 m đối với đập cấp II, 200 m đối với đập cấp I và 300 m đối với đập cấp đặc biệt.

Phần trên cạn của hai bên vai đập dâng, phạm vi vùng phụ cận được tính từ mép ngoài phần xây dựng của vai đập trở ra, tối thiểu: 20 m đối với đập cấp IV, 40m đối với đập cấp III, 50 m đối với đập cấp II, 100 m đối với đập cấp I, 150 m đối với đập cấp đặc biệt.

b) Trạm bơm:

Phạm vi vùng phụ cận bao gồm toàn bộ diện tích đất được nhà nước giao khi xây dựng và đưa công trình vào sử dụng, được xác định bởi các mốc giới hoặc hàng rào bảo vệ công trình, trừ phần diện tích xây dựng công trình.

c) Kênh có lưu lượng nhỏ hơn 2 m³/s:

Phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân mái ngoài của kênh trở ra với kênh có bờ (tính từ giao tuyến mái kênh với mặt đất tự nhiên trở ra với kênh không có bờ) là 2 m.

Đối với những đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận được thực hiện theo quy định chung về hành lang bảo vệ công trình giao thông nhưng không được nhỏ hơn vùng phụ cận của công trình theo quy mô kênh tương ứng.

d) Đường ống dẫn nước:

Vùng phụ cận chính là hành lang bảo vệ công trình được tính từ mép biên ngoài cùng của đường ống ra mỗi bên: 2 m đối với đường ống dẫn lưu lượng dưới 3 m³/s hoặc có đường kính trong đến dưới 1.500 mm; 3 m đối với đường ống dẫn lưu lượng từ 3 m³/s trở lên hoặc có đường kính trong từ 1.500 mm trở lên và áp dụng dọc theo chiều dài tuyến ống.

đ) Cầu máng và xi phông:

Vùng phụ cận chính là hành lang bảo vệ được tính từ điểm xây dựng hoặc

gia cố bảo vệ ngoài cùng của công trình trở ra mỗi bên: 3 m đối với cầu máng và xi phông có lưu lượng dưới 50 m³/s hoặc có chiều rộng đáy đến dưới 50 m; 5 m đối với cầu máng và xi phông có lưu lượng từ 50 m³/s trở lên hoặc có chiều rộng đáy từ 50 m trở lên và áp dụng dọc theo chiều dài tuyến công trình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, các địa phương trong việc tuyên truyền, phổ biến các quy định của Quyết định này và pháp luật về khai thác và bảo vệ CTTL; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác quản lý, khai thác và bảo vệ CTTL.

b) Hướng dẫn các Công ty TNHH một thành viên Khai thác CTTL, các địa phương, đơn vị tổ chức triển khai cấm mốc chỉ giới phạm vi vùng phụ cận CTTL trên địa bàn theo đúng quy định; kiểm tra việc thực hiện và báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện.

c) Tổ chức công tác thanh tra chuyên ngành về khai thác và bảo vệ CTTL; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ CTTL.

d) Tham mưu trình UBND tỉnh xem xét, quyết định việc cấp, thu hồi, gia hạn giấy phép đối với các hoạt động phải có giấy phép trong phạm vi vùng phụ cận CTTL theo quy định.

2. Sở Xây dựng:

Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan để kiểm tra, xử lý, giải quyết các hoạt động vi phạm có liên quan đến phạm vi vùng phụ cận CTTL.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì thẩm định nhu cầu sử dụng đất để thu hồi đất, giao đất trong phạm vi bảo vệ CTTL theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan có liên quan thực hiện việc quản lý và sử dụng đất theo quy định.

4. Sở Giao thông vận tải:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND cấp huyện, cấp xã trong việc quy hoạch mạng lưới giao thông đường thủy, giao thông đường bộ, xác định lộ giới, phạm vi vùng phụ cận CTTL có kết hợp giao thông, thực hiện cấm biển báo, chỉ giới đảm bảo an toàn giao thông theo quy định hiện hành.

5. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân thực hiện tốt các quy định của Quyết định này, chủ trương, chính sách của nhà nước trong công tác quản lý,

khai thác và bảo vệ CTTL.

b) Chỉ đạo UBND cấp xã, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc thực hiện công tác bảo vệ CTTL và vùng phụ cận trên địa bàn.

c) Giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực khai thác, bảo vệ CTTL và vùng phụ cận tại địa phương theo quy định của pháp luật.

d) Căn cứ vào Quyết định này và các quy định pháp luật có liên quan, UBND cấp huyện quyết định và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền việc xử lý đối với các công trình xây dựng không phép, trái phép trong phạm vi vùng phụ cận CTTL trên địa bàn quản lý theo quy định tại Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ CTTL; đề điều.

đ) Hàng năm tổng hợp, báo cáo tình hình vi phạm và công tác xử lý vi phạm phạm vi bảo vệ CTTL và vùng phụ cận trên địa bàn, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 30/11 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. UBND các xã, phường, thị trấn:

a) Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện Luật Thủy lợi trên địa bàn cấp xã, các quy định của Quyết định này, đồng thời chấp hành và tham gia thực hiện công tác bảo vệ CTTL và vùng phụ cận trên địa bàn.

b) Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân địa phương thực hiện các quy định của Quyết định này và pháp luật liên quan về công tác khai thác và bảo vệ CTTL.

c) Ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác, bảo vệ CTTL và vùng phụ cận tại địa phương; trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xử lý; thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ chặt chẽ các mốc chỉ giới phạm vi vùng phụ cận CTTL, không để xảy ra tình trạng vi phạm và tái vi phạm phạm vi CTTL và vùng phụ cận trên địa bàn.

d) Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ CTTL trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

đ) Kiên quyết thực hiện xử phạt các hành vi vi phạm công tác khai thác và bảo vệ CTTL trên địa bàn quản lý theo quy định tại Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.

7. Các tổ chức, cá nhân quản lý và khai thác CTTL:

a) Có trách nhiệm trực tiếp bảo vệ CTTL và vùng phụ cận; thường xuyên kiểm tra, phát hiện và có biện pháp ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm gây mất an toàn CTTL và vùng phụ cận; phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã nơi

xảy ra vi phạm trong việc xử lý và áp dụng các biện pháp cần thiết khôi phục hiện trạng ban đầu, bảo đảm an toàn cho CTTL theo thiết kế.

b) Tổ chức cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi vùng phụ cận CTTL được giao quản lý theo các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Thực hiện chế độ tổng hợp, báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình vi phạm phạm vi CTTL và vùng phụ cận với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

8. Sửa đổi, bổ sung:

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện, Công ty TNHH một thành viên Khai thác CTTL đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2018.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các Công ty TNHH một thành viên Khai thác CTTL và Thủ trưởng các ngành, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
 - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
 - TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
 - Đoàn ĐBQH tỉnh Thanh Hóa;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
 - Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
 - Công báo tỉnh Thanh Hóa;
 - Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
 - Lưu: VT, NN.
- } (để b/c);

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền